TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 215 /2022/DS-PT Ngày: 25 / 8 /2022 V/v "Đòi quyền sử dụng đất, Hợp đồng CNQSDĐ và hợp đồng tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thanh Nhàn**.

Các Thẩm phán: Bà **Lê Thị F Tâm**

Bà **Nguyễn Thị Diệp Thúy**

- Thư ký phiên toà: Ông **Võ Tấn Dũ** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Thanh Xuân** - Kiểm sát C.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc tranh chấp "Đòi quyền sử dụng đất, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 21/4/2022 của Tòa án nhân dân AC, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2022/QĐ-PT ngày 06 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hồng A, sinh năm 1983.

Địa chỉ: AA, AB, AC, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1957 (có mặt);

Địa chỉ: AD, khu phố AF, AB, AC, tỉnh Tiền Giang.

***2. Bị đơn*:** Anh Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1983 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp AG, xã AH, AC, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Mã Tuấn D, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp AG, xã AH, AC, tỉnh Tiền Giang.

3.2. Ông Phạm Quang E, sinh năm 1956 (vắng mặt).

3.3. Bà Trần Thị F, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Số 192C, ấp AI, xã AJ, AC, tỉnh Tiền Giang.

3.4. Văn phòng Công chứng G.

Người đại diện theo pháp luật: ông Bạch Văn H – Trưởng Văn phòng (vắng mặt).

Địa chỉ: Số AK, AB, AC, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo:

1/ Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn Nguyễn Hồng A;

2/ Bị đơn Nguyễn Ngọc C;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn Nguyễn Hồng A và quá trình giải quyết đại diện nguyên đơn trình bày:***

Anh Nguyễn Hồng A có quyền sử dụng hợp pháp 02 thửa đất tại ấp AG, xã AH, AC theo các giấy:

- Giấy chứng nhận số vào sổ cấp GCN CS09040 ngày 05/6/2018 tại thửa đất đồ 724, tờ bản đồ số 50, diện tích 412,5 m2 do Nguyễn Hồng A đứng tên chủ sử dụng.

- Giấy chứng nhận số vào sổ cấp GCN CS09039 ngày 05/6/2018 tại thửa đất đồ 725, tờ bản đồ số 50, diện tích 160 m2, do anh là Nguyễn Hồng A đứng tên chủ sử dụng.

Vào khoảng tháng 5/2018 Nguyễn Ngọc C có hỏi anh xin ở nhờ đến hết năm, đến đầu năm 2019 anh đã nhiều lần yêu cầu Nguyễn Ngọc C phải di dời đi nơi khác để trả lại nhà cho anh nhưng anh C cố tình không thực hiện.

Anh Nguyễn Hồng A yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Nguyễn Ngọc C di dời đi nơi khác, trả 02 thửa đất số 724 diện tích 412,5m^2 và thửa 725 diện tích 160m^2 và căn nhà cấp 4 nằm trên 02 thửa đất trên, nhà và đất tọa lạc tại ấp AG, xã AH, AC, tỉnh Tiền Giang. Yêu cầu thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Anh Nguyễn Hồng A không có cho anh C vay số tiền 900.000.000đồng và cũng không có nhận khoản tiền lãi nào của anh C đối với số tiền 900.000.000đồng. Do đó, anh C cho rằng hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ là giả cách là không đúng. Anh A không đồng ý yêu cầu phản tố của ông C về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ.

**** Bị đơn anh Nguyễn Ngọc C có yêu cầu phản tố trình bày*:**

Ngày 12/5/2018 anh C có đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Quang E và bà Trần Thị F ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ 02 thửa đất số 724 diện tích 412,5m^2 và thửa 725 diện tích 160m^2 và căn nhà cấp 4 nằm trên 02 thửa đất trên, nhà và đất tọa lạc tại ấp AG, xã AH, AC, tỉnh Tiền Giang do ông E, bà Hồng đứng tên cho anh Nguyễn Hồng A. Đồng thời cùng ngày 12/5/2018, anh C có vay của anh Nguyễn Hồng A số tiền là 900.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng nhưng không có làm giấy tờ vay tiền. Số tiền anh nhận của anh A là tiền vay tài sản chứ

thực tế anh không có chuyển nhượng QSDĐ cho anh A. Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng đất với anh A, toàn bộ phần đất tranh chấp và các công trình trên đất do anh xây dựng vào khoảng năm 2008 gồm có một căn nhà cấp 4, vách Eòng, mái tole, nền gạch men, diện tích khoảng 100m^2, chuồng trại để chăn nuôi có kết cấu nền bê tông, cột xi măng, mái tôn có diện tích khoảng 300m^2, 01 giếng tầng nông, hàng rào lưới B40, trụ xi măng, chân Eòng rào xây 01m đều do anh quản lý sử dụng.

Phần đất anh A tranh chấp anh đã thỏa thuận chuyển đổi với ông Mã Tuấn D diện tích khoảng 35m^2 từ năm nào không nhớ, hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không làm giấy tờ. Khi ký hợp đồng chuyển nhượng đất cho anh A, anh cũng có thông báo cho anh A biết về việc trao đổi này nhưng anh A không có ý kiến.

Đối với số tiền vay và tiền lãi, anh có gửi cho anh A số tiền 600.000.000 đồng tại quán cà phê Lãng Du. Việc trả số tiền 600.000.000 đồng không có làm biên nhận. Khi trả anh không có nói với anh A là tiền vốn hay lãi. Nay anh xác định số tiền anh trả 600.000.000 đồng là trả tiền lãi cho anh A.

Đối với yêu cầu khởi kiện của anh A, anh không đồng ý vì anh chỉ vay anh A 900.000.000 đồng, để làm tin anh thế chấp 02 thửa đất tại ấp AG, xã AH chứ anh không bán đất.

Anh phản tố yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và buộc anh A sang tên lại 2 thửa đất cho anh. Anh đồng ý trả lại cho anh A 900.000.000 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 21/4/2022 của Tòa án nhân dân AC, tỉnh Tiền Giang:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 124, 166 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 3 Điều 167, 168, Khoản 1 Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ D hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

***Xử*:**

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Hồng A về việc yêu cầu anh Nguyễn Ngọc C di dời đi nơi khác để trả lại các thửa đất:

- Giấy chứng nhận số vào sổ cấp GCN CS09040 cập nhật ngày 05/6/2018 tại thửa đất đồ 724, tờ bản đồ số 50, diện tích 412,5 m2, tại ấp AG, xã AH, AC, tỉnh Tiền Giang do ông là Nguyễn Hồng A đứng tên chủ sử dụng.

- Giấy chứng nhận số vào sổ cấp GCN CS09039 ngày 05/6/2018 tại thửa đất đồ 725, tờ bản đồ số 50, diện tích 160 m2, tại ấp AG, xã AH, AC, tỉnh Tiền Giang do ông là Nguyễn Hồng A đứng tên chủ sử dụng.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn:

- Tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 3139, quyển số 01/2018TP/CC-SC/HĐGD ngày 12/5/2018 tại Văn phòng Công chứng G là vô hiệu.

- Anh Nguyễn Ngọc C có nghĩa vụ trả lại cho anh Nguyễn Hồng A số tiền gốc 900.000.000 đồng và tiền lãi 358.560.000 đồng. Tổng cộng 1.258.560.0000 đồng *(Một tỷ, hai trăm năm mươi tám triệu, năm trăm sáu mươi ngàn đồng)*.

3. Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang điều chỉnh lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi bản án có hiệu lực pháp luật Hủy bỏ thay đổi ở trang 4 ngày 05/6/2018 cho anh Nguyễn Hồng A đối với:

- Thửa đất số 724, tờ bản đồ số 50, diện tích 412,5m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS09040 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 30/3/2017.

- Thửa đất số 725, tờ bản đồ số 50 diện tích 160m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS09053 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 07/4/2017.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo các đương sự.

- Ngày 28/4/2022, ông Nguyễn Văn B đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án DSST, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Ngọc C trả lại cho ông Nguyễn Hồng A toàn bộ diện tích 02 thửa đất số 724, tờ bản đồ số 50, diện tích 412,5m^2 ; thửa số 725, tờ bản đồ số 50 diện tích 160m^2 và nhà ở trên đất.

- Ngày 05/5/2022, ông Nguyễn Văn C có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án chỉ buộc ông C trả 900.000.000đồng vay, không trả lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng nội qui phòng xử án và thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng pháp luật.

Về nội dung : Nhận thấy, bản án sơ thẩm có những vi phạm tố tụng, chưa thu thập chứng cứ đầy đủ, đánh giá chứng cứ không khách quan và toàn diện (có phân tích trong bài phát biểu kèm theo). Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân

sự, đề nghị HĐXX hủy bản án dân sự sơ thẩm giao hồ sơ Tòa án cấp sơ sơ thẩm xét xử lại.

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Những Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vắng mặt đương sự theo quy định pháp luật.

Xét đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn B đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Hồng A và đơn kháng cáo anh Nguyễn Ngọc C nộp trong thời hạn, đúng với quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật "tranh chấp đòi quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng vay tài sản" thuộc trường hợp quy định tại khoản 2, 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

- Xét ngày 12/5/2018 ông Phạm Quang E và bà Trần Thị F lập hợp đồng ủy quyền cho anh Nguyễn Ngọc C, tài sản ủy quyền là 02 thửa đất số 724 và thửa 725 theo giấy chứng nhận QSDĐ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Phạm Quang E. Nội dung ủy quyền là ông C được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt (bao gồm cho tặng, nhận đặt cọc việc chuyển nhượng, chuyển nhượng, hủy bỏ việc chuyển nhượng,...) đối với 02 thửa đất trên. Cùng ngày 12/5/2018, trên cơ sở hợp đồng ủy quyền anh C ký hợp đồng chuyển nhượng 02 thửa đất trên cho anh Nguyễn Hồng A. Đến ngày 05/6/2018, anh Nguyễn Hồng A được cơ quan có thẩm quyền công nhận là người được đứng tên quyền sử dụng 02 thửa đất số 724 và 725 tờ bản đồ số 50 tại ấp AG, xã AH, AC. Trên hai thửa đất nêu trên có một căn nhà cấp 4, vách Eòng, mái tole, nền gạch men, diện tích khoảng 100m^2, chuồng trại để chăn nuôi có kết cấu nền bê tông, cột xi măng, mái tôn có diện tích khoảng 300m^2, 01 giếng tầng nông, hàng rào lưới B40, trụ xi măng, chân Eòng rào xây 01m nhưng trong 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các mục nhà ở và công trình xây dựng khác đều không có thể hiện.

- Xét giấy biên nhận tiền (BL 150), thể hiện anh C có nhận của anh A số tiền 900.000.000đồng là tiền giá trị quyền sử dụng 02 thửa đất, căn nhà và tài sản gắn liền với đất; Anh C đồng ý chuyển nhượng quyền sử dụng 02 thửa đất và chuyển giao căn nhà cùng các tài sản gắn liền với đất cho anh A, cam kết không có bất kỳ tranh chấp gì.

- Xét các tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 03/9/2017 có công chứng tại Văn phòng Công chứng G giữa bên chuyển nhượng là anh Nguyễn Ngọc C với bên nhận chuyển nhượng là ông Phạm Quang E đối với 02 thửa đất số 518 và 850 và giữa anh Nguyễn Ngọc C và ông Phạm Quang E cũng lập Hợp đồng mua bán viết tay v/v chuyển quyền sử dụng thửa đất, trong đó hai bên thỏa thuận về việc mua và bán tài sản gắn liền trên đất như nhà cửa, chuồng trại. Như vậy, nhà ở và các tài sản gắn liền với 02 thửa đất trên thuộc quyền sử dụng của ông Phạm Quang E.

- Xét hợp đồng ủy quyền có số công chứng 3138 quyển số 01/2018TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/5/2018 tại Văn phòng Công chứng G ông Phạm Quang E và bà Trần Thị F không có nội dung ủy quyền định đoạt tài sản trên đất cho anh C.

Từ những phân tích trên cho thấy, anh Nguyễn Ngọc C đã đại diện theo ủy quyền cho ông Phạm Quang E và bà Trần Thị F ký hợp đồng chuyển nhượng cho anh Nguyễn Hồng A toàn bộ 02 thửa đất số 724; 725 tờ bản đồ số 50 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất gồm có một căn nhà cấp 4, vách Eòng, mái tole, nền gạch men, diện tích khoảng 100m^2, chuồng trại để chăn nuôi có kết cấu nền bê tông, cột xi măng, mái tôn có diện tích khoảng 300m^2, 01 giếng tầng nông, hàng rào lưới B40, trụ xi măng, chân Eòng rào xây 01m tại ấp Long Hòa, xã AH, AC. Cấp sơ thẩm nhận định ông C đã xác lập giao dịch định đoạt phần tài sản gắn liền với đất vượt quá phạm vi đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Quang E và bà Trần Thị F là có căn cứ. Tuy nhiên cấp sơ thẩm chưa làm rỏ ý chí của người được đại diện là ông E, bà Hồng có đồng ý đối với phần giao dịch được thực hiện vượt quá phạm vi đại diện hay không; có biết việc ông C xác lập hợp đồng vượt quá phạm vi đại diện hay không nhưng cho rằng hợp đồng chuyển nhượng giữa anh A và anh C là không thể thực hiện do có tài sản trên đất không được ông E ủy quyền là không phù hợp quy định khoản Điều 143 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra ông Nguyễn Ngọc C phản tố cho rằng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng là ông Phạm Quang E, bà Trần Thị F (do anh Nguyễn Ngọc C đại diện theo ủy quyền) với bên nhận chuyển nhượng là anh Nguyễn Hồng A có số công chứng 3139 quyển số 01/2018TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/5/2018 tại Văn phòng Công chứng G là giả tạo. Anh C cho rằng hợp đồng này chỉ để làm tin cho anh vay của anh A số tiền 900.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng. Cấp sơ thẩm chưa thu thập lời khai của ông Phạm Quang E, bà Trần Thị F, đối chất lời khai giữa ông E, bà Hồng với ông Nguyễn Hồng A, ông Nguyễn Ngọc C để làm rỏ về mục đích ông bà ủy quyền cho anh Nguyễn Ngọc C chuyển nhượng quyền sử dụng đất; quyền

hạn và nghĩa vụ của ông bà đối với giao dịch do người đại diện xác lập như thế nào; chứng cứ chứng minh mối quan hệ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông E, bà Hồng và anh A với hợp đồng vay số tiền 900.000.000đ giữa ông C và ông A (nếu có).

- Xét về E cách đương sự, cấp sơ thẩm có vi phạm tố tụng về việc đưa người tham gia tố tụng không đầy đủ như:

+ Quá trình thụ lý phúc thẩm, ông Châu Văn X có đơn khiếu nại cho rằng ông Nguyễn Hồng A, bà Châu Ngọc Y đã ký hợp đồng chuyển nhượng cho ông 150m^2 đất trồng cây lâu năm và 100m^2 đất ở vào ngày 18/11/2020 có công chứng tại Văn phòng Công chứng G thuộc thửa đất số 724 tờ bản đồ số 50 tại ấp AG, xã AH, AC. Cấp sơ thẩm không thông báo cho ông X tham gia tố tụng nhưng đã xét xử hủy hợp đồng chuyển nhượng đất giữa anh A và anh C, giao trả phần đất ông đã chuyển nhượng cho ông C gây thiệt hại trực tiếp đến quyền lợi của ông. Xét thấy mặc dù là tình tiết phát sinh giai đoạn phúc thẩm, các bên đương sự không thông báo cho Tòa án cấp sơ thẩm biết. Tuy nhiên việc không đưa ông Châu Văn X vào tham gia tố tụng để ông có yêu cầu khởi kiện độc lập trong vụ án dẫn đến việc giải quyết vụ án không khách quan và toàn diện, gây thiệt hại quyền và lợi ích hợp pháp của ông X, thiếu sót này cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

+ Ngoài ra, đối Eợng tranh chấp là quyền sử dụng đất do anh Nguyễn Hồng A đứng tên là tài sản được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân với chị Châu Ngọc Y; khi ký hợp đồng chuyển nhượng đất với ông Châu Văn X, bên chuyển nhượng là anh Nguyễn Hồng A và Châu Ngọc Y cùng ký. Cấp sơ thẩm không đưa chị Châu Ngọc Y (vợ của anh A) tham gia tố tụng để làm rỏ là tài sản riêng của anh A hay tài sản chung của vợ chồng anh A, chị Y là thiếu sót, ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của chị Y.

Từ những thiếu sót nêu trên, nhận thấy có ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc giải quyết nội dung của vụ án, mà cấp phúc thẩm không thể khắc được. Để đảm bảo hai cấp xét xử, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, cần hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân AC giải quyết lại vụ án.

Do hủy bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại nên Hội đồng xét xử chưa xét đến yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn.

[4] Về án phí: Do Hội đồng xét xử hủy bản án DSST nên các đương sự không phải chịu án phí DSPT theo quy định. Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét giải quyết khi vụ án được giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát C là có căn cứ và phù hợp pháp luật như đã phân tích trên. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 38, Điều 147, Điều 148, Khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ D Hội.

Xử:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Toà án nhân dân AC, tỉnh Tiền Giang.

Giao hồ sơ vụ án về cho Toà án nhân dân AC, tỉnh Tiền Giang giải quyết lại theo thẩm quyền.

2. Về án phí:

- Anh Nguyễn Hồng A do ông Nguyễn Văn B đại diện theo ủy quyền không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại ông Nguyễn Văn B số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí DSPT do ông Nguyễn Văn B đã nộp thay theo biên lai số 0022172 ngày 28/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự AC.

- Anh Nguyễn Ngọc C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho ông Nguyễn Ngọc C số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0022191 ngày 05/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự AC.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND AC, TG;
- CCTHADS AC, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thanh Nhàn